

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Vinh
Ông Nguyễn Quốc Bình
Bà Bùi Thị Hải Yến
Bà Nguyễn Minh Trang

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/08/2019)
Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/08/2019)
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/08/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Hải Yến
Ông Nguyễn Đình Vinh
Bà Bùi Thị Hải Yến
Bà Nguyễn Minh Trang

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/08/2019)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/08/2019)
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/08/2019)
Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/06/2019)

Người đại diện pháp luật

Theo Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện pháp luật của Công ty nghỉ hưu từ ngày 01/07/2019. Theo đó người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Quốc Bình
Bà Bùi Thị Hải Yến

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 01/07/2019)
Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/08/2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, 



Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Số: 139 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 - Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: Công ty đang ghi nhận số dư nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G (gọi tắt là "Công ty N&G") tại chỉ tiêu Nợ phải thu ngắn hạn khác của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cao hơn giá trị theo Công ty N&G xác nhận là 22.920.788.809 VND, giá trị chênh lệch này chưa được hai bên thống nhất đối chiếu số liệu cuối cùng. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục kiểm toán gửi Thư xác nhận đối với khoản phải thu này, tuy nhiên cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được Thư xác nhận phản hồi. Đồng thời, khoản nợ này đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty đánh giá việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, giá trị trích lập ước tính khoảng 78,92 tỷ đồng (trong đó bao gồm giá trị bổ sung cho 2018 là 62,92 tỷ đồng). Nếu thực hiện trích lập dự phòng thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng thêm 16,0 tỷ đồng (năm 2018 tăng 62,92 tỷ đồng); trên bảng cân đối kế toán: Chỉ tiêu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi cùng số tiền 78,92 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tổng số dự phòng phải thu khó đòi chưa trích lập ước tính là 14.794.189.722 VND (không tính dự phòng phải thu khó đòi Công ty N&G). Nếu thực hiện trích lập dự phòng thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng thêm 14,79 tỷ đồng; trên bảng cân đối kế toán: Chỉ tiêu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi cùng số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 - Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: Trong đó mô tả về việc Công ty chưa ghi nhận chi phí tiền thuê đất theo Thông báo số 11247/TB-CT-QLĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước với đơn giá thuê đất để làm đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sài Đồng B là 58.010 VND/ m²/năm, giá trị dự kiến lần lượt là khoảng 9,2 tỷ đồng và 1,3 tỷ đồng; tương ứng tiền chậm nộp lần lượt là 0,4 tỷ đồng và 0,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo ước tính của chúng tôi trên cơ sở đơn giá và diện tích tính tiền thuê đất tại Thông báo này là 15,331 tỷ đồng (trong đó giá trị năm 2019 là 13,400 tỷ đồng, năm 2018 là 1,931 tỷ đồng) và số tiền nộp chậm ước tính là 757 triệu đồng (năm 2019: 556 triệu đồng, năm 2018: 201 triệu đồng). Nếu ghi nhận đầy đủ chi phí thuê đất và tiền chậm nộp trên thì chỉ tiêu giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ của năm 2019 Công ty sẽ tăng 13,400 tỷ đồng (năm 2018 sẽ tăng thêm 1,931 tỷ đồng), chỉ tiêu chi phí khác của năm 2019 sẽ tăng 556 triệu đồng (năm 2018: 201 triệu đồng). Lợi nhuận kế toán trước thuế của mỗi năm sẽ giảm tương ứng cùng giá trị.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chưa được đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, cụ thể:

- Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty sau: Công ty Cổ phần Sản xuất Gia công và Xuất nhập khẩu Hanel; Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel; Công ty Cổ phần Vẽ giao thông công cộng Hà Nội (Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G; Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội; Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội; Công ty Cổ phần Tự động hóa và cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và đầu tư Việt Nam (các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác). Chúng tôi không thu thập được các báo cáo tài chính năm 2019 của các công ty này. Tại thời điểm gần nhất ngày 31/12/2019, tổng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư là 42.630.901.041 VND và giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trên đã được trích lập là 1.809.411.820 VND. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết bổ sung (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.
- Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập bổ sung của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel; Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Hanel; Công ty TNHH ICD Hà Nội và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex là 8.989.112.431 VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng thì Chi phí tài chính tăng thêm 8,989 tỷ đồng; trên bảng cân đối kế toán: Chi tiêu dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi cùng số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 09: Công ty tạm ghi nhận giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh vào giá trị vốn Nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22: Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2019 theo Nghị quyết số 03b/2019/NQ-HĐQT-HANEL ngày 16/08/2019 và Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT-HANEL ngày 23/03/2020 của Hội đồng quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2020.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 37.2 - Thuyết minh báo cáo tài chính: trong đó mô tả việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 37.3 - Thuyết minh báo cáo tài chính: Trong đó mô tả thông tin chi tiết về phương án ghi nhận, sử dụng các khoản tiền lãi nhận được từ Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cu Ba.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

A blue ink signature, likely belonging to Đặng Thị Minh Hạnh, the Auditor.

Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		498.966.233.889	635.781.610.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	38.519.665.011	166.411.560.699
1. Tiền	111		4.738.652.609	9.673.167.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.781.012.402	156.738.392.820
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	150.115.774.097	185.201.053.628
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		150.115.774.097	185.201.053.628
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.937.775.051	204.756.201.591
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	105.790.760.860	91.820.156.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.958.082.941	2.806.208.133
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.135.000.000	3.135.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	133.117.281.271	106.994.836.509
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(20.063.350.021)	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	43.247.750.671	40.411.706.546
1. Hàng tồn kho	141		43.247.750.671	40.411.706.546
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.145.269.059	39.001.087.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.422.162.980	557.877.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.723.106.079	38.443.210.900
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.258.362.384.821	2.277.549.245.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.630.761.325	112.620.761.325
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	108.630.761.325	112.620.761.325
II. Tài sản cố định	220		41.125.985.903	50.810.961.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	41.089.939.524	50.730.513.494
- Nguyên giá	222		167.995.142.866	167.841.142.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.905.203.342)	(117.110.629.372)
2. Tài sản cố định vô hình	227		36.046.379	80.447.879
- Nguyên giá	228		133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.158.121)	(52.756.621)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.021.334.593.815	1.004.874.455.968
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.021.334.593.815	1.004.874.455.968
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.079.163.545.518	1.090.655.351.046
1. Đầu tư vào công ty con	251		338.528.145.690	338.528.145.690
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.291.519.916	707.291.519.916
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.835.685.440	44.835.685.440
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.491.805.528)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.107.498.260	18.587.715.696
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.107.498.260	18.587.715.696
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.757.328.618.710	2.913.330.855.787

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		735.980.186.735	947.299.254.527
I. Nợ ngắn hạn	310		370.913.109.871	698.335.789.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.753.945.609	28.222.529.484
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	19.566.016.781	22.140.430.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	300.272.081	28.893.557.505
4. Phải trả người lao động	314		1.371.976.518	1.205.268.155
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	14.208.160.888	10.142.538.097
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	3.154.460.099	3.572.111.285
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	271.678.023.612	470.158.795.512
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	23.051.860.527	128.982.298.339
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.828.393.756	5.018.260.482
II. Nợ dài hạn	330		365.067.076.864	248.963.465.468
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	12.312.043.353	12.103.105.472
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	33.726.730.976	36.881.191.076
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	12.906.732.996	1.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	306.121.569.539	198.979.168.920
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.021.348.431.975	1.966.031.601.260
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.021.348.431.975	1.966.031.601.260
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(17.944.000)	(11.944.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.304.503.926	24.874.491.416
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.061.872.049	15.169.053.844
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.127.169.441	7.601.310.792
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		37.934.702.608	7.567.743.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.757.328.618.710	2.913.330.855.787


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ




Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	357.318.552.506	461.397.430.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.106.400	2.830.360.610
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	357.314.446.106	458.567.069.734
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	334.418.298.510	440.771.037.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.896.147.596	17.796.032.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	118.625.550.474	138.741.402.091
7. Chi phí tài chính	22	29	15.028.168.853	47.682.836.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		973.526.070	39.292.062.312
8. Chi phí bán hàng	25	30	132.291.600	862.265.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	66.606.899.580	51.127.611.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		59.754.338.037	56.864.721.493
11. Thu nhập khác	31	31	307.540.601	153.149.497.611
12. Chi phí khác	32	32	1.961.836.939	2.077.705.882
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.654.296.338)	151.071.791.729
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		58.100.041.699	207.936.513.222
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	32.068.347.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(2.473.352.074)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		58.100.041.699	178.341.517.893

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	58.100.041.699	207.936.513.222
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.838.975.470	11.285.901.435
- Các khoản dự phòng	03	31.555.155.549	-
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(418.505.511)	1.703.314.448
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(115.325.151.769)	(132.618.065.611)
- Chi phí lãi vay	06	973.526.070	39.292.062.312
- Các khoản điều chỉnh khác	07	933.145.766	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(14.342.812.726)	127.599.725.806
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(32.930.247.561)	(4.057.529.891)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(2.836.044.125)	(2.542.757.065)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(164.467.219.148)	(260.257.759.188)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	11.805.498.845	117.727.964.782
- Tiền lãi vay đã trả	14	(263.665.439)	(64.422.176.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.367.896.989)	(10.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.935.000	10.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.871.107.000)	(4.275.328.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(235.250.559.143)	(100.717.460.140)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.126.690.664)	(12.988.424.391)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	170.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(264.597.158.244)	(280.257.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	313.742.849.296	421.279.264.942
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	96.084.135.507	127.998.571.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	133.103.135.895	256.203.312.108
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(6.000.000)	(11.944.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	29.906.988.407	20.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.750.000.000)	(103.702.954.404)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.889.820.000)	(9.630.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.738.831.593)	(93.344.898.404)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(127.886.254.841)	62.140.953.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	166.411.560.699	106.331.828.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.640.847)	(2.061.221.221)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	38.519.665.011	166.411.560.699

Trần Thu Loan

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Lữ Thị Khánh Trân

Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2019. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP ĐT và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	65,98%	65,98%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	77,76%	77,76%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)***Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:*

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thể NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biển Bạc	Hà Nội	16,67%	16,67%	Kinh doanh phần mềm tin học và dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	16,62%	16,62%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé Giao thông Công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH Hệ thống Dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT (i)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

Ghi chú:

- (i) Tỷ lệ sở hữu của Công ty vào Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT được trình bày theo tỷ lệ thực góp.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

Chi phí hệ thống thoát nước nước thải Khu công nghiệp Sài Đồng B: Các khoản chi phí xây dựng hệ thống thoát nước thải không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm chi trả, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả phải trích trước tính đến ngày 31/12/2019 là 1.166.630.467 VND, đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31/12/2008 trở về trước. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27/6/2017, tuy nhiên không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.020.226.264	2.580.188.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.718.426.345	7.092.979.651
Tương đương tiền (i)	33.781.012.402	156.738.392.820
Cộng	38.519.665.011	166.411.560.699

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.115.774.097	150.115.774.097	185.201.053.628	185.201.053.628
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	95.115.774.097	95.115.774.097	10.201.053.628	10.201.053.628
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	55.000.000.000	55.000.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP.
- (ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND	Giá trị hợp lý (iii) VND
b) Đầu tư vào công ty con	270.718.558.500	338.528.145.690	9.252.328.361	270.718.558.500	338.528.145.690	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	5.100.000.000	5.714.681.600	-	5.100.000.000	5.714.681.600	-
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	510.000.000	529.339.257	-	510.000.000	529.339.257	-
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	510.000.000	582.759.945	190.381.775	510.000.000	582.759.945	-
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	33.087.436.000	54.358.998.456	-	33.087.436.000	54.358.998.456	-
Công ty CP Truyền thông Hanel	15.300.000.000	15.559.722.810	-	15.300.000.000	15.559.722.810	-
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	510.000.000	107.144.291	79.285.861	510.000.000	107.144.291	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	15.300.000.000	18.881.815.199	4.268.569.427	15.300.000.000	18.881.815.199	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	11.220.000.000	6.863.221.286	4.714.091.298	11.220.000.000	6.863.221.286	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	22.950.000.000	26.042.797.263	-	22.950.000.000	26.042.797.263	-
Công ty TNHH ICD Hà Nội	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000	-
Công ty TNHH DEHACO	46.231.122.500	89.887.665.583	-	46.231.122.500	89.887.665.583	-
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	662.612.528.135	707.291.519.916	1.030.065.347	662.612.528.135	707.291.519.916	-
Công ty CP Biên Bạc	5.000.000.000	5.062.688.948	-	5.000.000.000	5.062.688.948	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	900.000.000	574.673.406	321.340.222	900.000.000	574.673.406	-
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	543.645.600	458.689.409	98.772.818	543.645.600	458.689.409	-
Công ty CP Vẻ Giao thông Công cộng	500.000.000	517.776.481	-	500.000.000	517.776.481	-
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	333.200.000	344.644.154	-	333.200.000	344.644.154	-
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	5.400.000.000	3.626.660.221	-	5.400.000.000	3.626.660.221	-
Công ty CP Daela	151.861.443.000	343.526.073.021	-	151.861.443.000	343.526.073.021	-
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	216.000.000.000	216.460.432.601	-	216.000.000.000	216.460.432.601	-
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	800.000.000	11.139.488.720	-	800.000.000	11.139.488.720	-
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc	9.000.000.000	7.007.392.908	-	9.000.000.000	7.007.392.908	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.400.000.000	1.847.955.809	9.952.307	2.400.000.000	1.847.955.809	-
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	23.623.899.960	104.787.279.794	-	23.623.899.960	104.787.279.794	-
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	11.337.764.444	-	5.745.362.358	11.337.764.444	-
Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	-	-
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	232.234.967.217	-	-	232.234.967.217	-	-
Công ty CP Hanel Mobile	1.000.010.000	-	-	1.000.010.000	-	-
Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
d) Đầu tư vào đơn vị khác	50.825.140.000	44.835.685.440	1.209.411.820	50.825.140.000	44.835.685.440	-
Công ty CP Dầu tư Hanpad	1.200.000.000	1.831.271.207	-	1.200.000.000	1.831.271.207	-
Công ty CP Dầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	3.000.000.000	1.209.411.820	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP Viễn thông Hà nội	18.000.000.000	3.425.144.017	-	18.000.000.000	3.425.144.017	-
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.000.000.000	21.006.080.834	-	21.000.000.000	21.006.080.834	-
Công ty CP Tự động hóa và Cơ khí Điện tử Hanel	510.000.000	804.165.656	-	510.000.000	804.165.656	-
Công ty CP XNK Dịch vụ và Dầu tư Việt Nam	227.500.000	306.974.126	-	227.500.000	306.974.126	-
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	6.887.640.000	14.462.049.600	-	6.887.640.000	14.462.049.600	-
Cộng	984.156.226.635	1.090.655.351.046	11.491.805.528	984.156.226.635	1.090.655.351.046	-

Ghi chú:

(i) Giá gốc Khoản đầu tư: Là giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá trị trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá.

(ii) Giá trị sổ sách: Được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel vào tháng 12 năm 2018. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lãi cô tức dự thu từ trước thời điểm xác định giá trị bàn giao sang Công ty Cổ phần tại ngày 27/6/2017, theo đó các khoản cổ tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28/06/2017 nhận về sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cổ phần hoá).

(iii) Giá trị hợp lý: Ngoài các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán thì giá trị hợp lý được xác định theo giá thị trường, đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị trường của các khoản đầu tư vào các Công ty có cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất kết thúc kỳ báo cáo tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt; Công ty Cổ phần Sản xuất Gia công và Xuất nhập khẩu Hanel; Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty Cổ phần Vé giao thông công cộng Hà Nội (Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G; Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội; Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội, Công ty Cổ phần Tự động hóa và cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và đầu tư Việt Nam (các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>105.790.760.860</i>	<i>91.820.156.949</i>
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	22.929.087.025	30.506.522.763
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	20.000.000.000	-
Corporacion Cimex S.A, Division de compras,	12.726.575.316	23.488.482.940
Almacenaje Y Distribucion		
Cubaelectronica Havana Cuba	20.629.391.550	-
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.711.963.012	4.074.833.386
Thales Six GTS France SAS	5.120.862.767	4.640.592.851
Công ty CP Viễn Thông Điện Tử Vinacap	-	15.534.422.200
Công ty CP Phân phối SP Công nghệ cao Dầu khí	-	4.000.000.000
Các đối tượng khác	12.819.561.265	2.721.982.884
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>30.567.543.756</i>	<i>38.103.689.625</i>
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	95.917.500	96.547.500
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	22.929.087.025	30.506.522.763
Công ty CP Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	296.150.000	296.150.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	144.857.352	48.063.459
Các đối tượng liên quan khác	141.810.611	196.684.635

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>3.958.082.941</i>	<i>2.806.208.133</i>
Công ty CP Truyền thông Hanel	2.255.660.000	865.260.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	786.500.000	412.500.000
Các đối tượng khác	915.922.941	1.528.448.133
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>2.553.700.041</i>	<i>1.504.980.523</i>
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
Công ty CP Truyền thông Hanel	2.255.660.000	865.260.000
Công ty CP Biển Bạc	-	341.680.482

8. PHẢI THU CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000
<i>Trong đó: Phải thu cho vay là bên liên quan</i>	<i>3.135.000.000</i>	<i>3.135.000.000</i>
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000

Ghi chú:

Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF đã quá hạn từ lâu. Tại 31/12/2019 Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	133.117.281.271	390.450.000	106.994.836.509	-
Tạm ứng	2.589.744.890	-	249.923.661	-
Ký cược, ký quỹ	3.990.000.000	-	-	-
- Công ty CP Công nghệ DTT (i)	3.990.000.000	-	-	-
Phải thu khác	126.537.536.381	390.450.000	106.744.912.848	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G (ii)	102.920.788.809	-	102.920.788.809	-
- Công ty CP Daeha	21.000.000.000	-	-	-
- Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	509.062.920	-	724.796.768	-
- Cubaelectronica Havana Cuba	585.583.828	-	-	-
- Công ty TNHH DEHACO	-	-	1.758.983.738	-
- Các đối tượng khác	1.522.100.824	390.450.000	1.340.343.533	-
b) Dài hạn	108.630.761.325	-	112.620.761.325	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	4.990.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ DTT (i)	-	-	3.990.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (iii)	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	22.011.259.427	-	2.869.243.771	-
Công ty CP Daeha	21.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH ICD Hà Nội	85.426.259	-	-	-
Công ty CP Dịch vụ KCN Hanel	369.814.468	-	556.241.333	-
Công ty CP Hanel Mobile	390.450.000	-	390.450.000	-
Công ty CP Hanel Telecom	165.568.700	-	163.568.700	-
Công ty TNHH DEHACO	-	-	1.758.983.738	-

Ghi chú:

- (i) Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ DTT theo Hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 12/HDĐC-CP ngày 22/4/2015, Phụ lục hợp đồng đặt cọc mua cổ phần ngày 01/02/2018 gia hạn thời hạn chuyển quyền sở hữu cổ phần đến ngày 31/12/2019, thời hạn đặt cọc đến hết ngày 31/12/2019. Ngày 11/02/2020, hai bên đã ký kết biên bản thanh lý hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, theo đó Công ty Cổ phần Công nghệ DTT có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đã nhận đặt cọc 3.990.000.000 VND nêu trên cho Công ty Cổ phần Hanel chậm nhất trong vòng 3 tháng kể từ ngày 01/01/2020.
- (ii) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 86.757.000.000 VND và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ các hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27/06/2017 (thời điểm cổ phần hóa). Công ty chưa ghi nhận tăng doanh thu tài chính và phải thu khác từ ngày 28/6/2017 đến ngày 30/6/2019 do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Theo Thư xác nhận công nợ ngày 30/6/2019 được ký bởi Công ty N&G, Công ty N&G chỉ xác nhận số tiền gốc đã nhận từ Công ty Cổ phần Hanel là 80.000.000.000 VND, chênh lệch giảm so với số Công ty đang theo dõi là 22.920.788.809 VND (giá trị này đã ghi tăng phần vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần). Hiện hai bên vẫn chưa thống nhất được số liệu đối chiếu. Tại ngày 31/12/2019, các khoản công nợ trên đã quá hạn thanh toán, Công ty đang tiếp tục làm việc với Công ty N&G để thống nhất kế hoạch trả nợ của Công ty N&G, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (iii) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05 - 05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 05/05/2016. Giá trị trên được ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính, Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có). Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa nhận bàn giao mặt bằng từ Dự án trên.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel	22.929.087.025	13.909.832.382	9.019.254.643	30.506.522.763	30.506.522.763	-
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	7.243.769.925	-	7.243.769.925	7.243.769.925	7.243.769.925	-
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	-	3.135.000.000	3.135.000.000	3.135.000.000	-
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-	404.441.384	404.441.384	404.441.384	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	296.150.000	148.075.000	148.075.000	296.150.000	296.150.000	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	46.603.333	23.301.666	23.301.667	46.603.333	46.603.333	-
Cty XNK Bắc Kạn	89.507.402	-	89.507.402	89.507.402	89.507.402	-
Cộng	34.144.559.069	14.081.209.048	20.063.350.021	41.721.994.807	41.721.994.807	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	88.880.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.959.940.230	-	40.123.896.106	-
Hàng hóa	198.929.859	-	198.929.858	-
Cộng	43.247.750.671	-	40.411.706.546	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sàn giao dịch vận tải	35.110.080.106	-	31.298.816.290	-
Dự án Camera giám sát tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	1.196.895.133	-	4.068.849.344	-
Dự án khác	6.652.964.991	-	4.756.230.472	-
Cộng	42.959.940.230	-	40.123.896.106	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.422.162.980	557.877.015
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	105.349.681	166.509.142
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	15.683.747
Các khoản khác	1.316.813.299	375.684.126
b) Dài hạn	8.107.498.260	18.587.715.696
Chi phí sửa chữa văn phòng	455.128.270	646.938.169
Chi phí hệ thống thoát nước thải tại KCN SDB	-	1.745.219.060
Chi phí thuê đất tại KCN SDB (i)	3.755.018.877	3.903.506.001
Chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	43.587.469	219.769.699
Giá trị lợi thế kinh doanh (ii)	3.131.792.975	9.501.541.391
Công cụ dụng cụ xuất dùng	71.465.760	80.913.202
Các chi phí khác	650.504.909	2.489.828.174

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất trả một lần cho phần diện tích 45.454,5 m² cho thuê lại tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.
- (ii) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông báo kết quả kiểm toán số 869/TB-KTNN KV1 ngày 30/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	126.702.984.638	29.312.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.841.142.866
Mua trong năm	-	154.000.000	-	-	-	154.000.000
Số dư cuối năm	126.702.984.638	29.466.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.995.142.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	83.973.453.632	22.639.680.688	9.721.695.220	3.968.035	771.831.797	117.110.629.372
Khấu hao trong năm	7.378.312.656	1.868.600.438	533.947.496	7.401.516	6.311.864	9.794.573.970
Số dư cuối năm	91.351.766.288	24.508.281.126	10.255.642.716	11.369.551	778.143.661	126.905.203.342
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	42.729.531.006	6.672.375.606	1.154.878.961	40.441.056	133.286.865	50.730.513.494
Số dư cuối năm	35.351.218.350	4.957.775.168	620.931.465	33.039.540	126.975.001	41.089.939.524

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao và còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 10.846.070.978 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2019: 1.702.836.797 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	969.217.620.911	952.675.899.666
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMĐT và VP Hanel) (i)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án Công nghệ thông tin tập trung tại Quảng Ninh	2.315.863.886	1.716.204.386
Dự án Khu công viên phần mềm Đà Nẵng số 2	-	484.940.910
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	196.301.988
Cộng	1.021.334.593.815	1.004.874.455.968

Ghi chú:

- (i) Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với tổng số tiền là 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Địa điểm đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel do không thuộc phạm vi sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty sẽ làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý về các chi phí đã phát sinh tại Dự án Phạm Hùng trên.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	33.753.945.609	33.753.945.609	28.222.529.484	28.222.529.484
Công ty CP Truyền thông Hanel	9.563.346.481	9.563.346.481	12.329.149.020	12.329.149.020
Công ty CP Biển Bạc	6.925.428.763	6.925.428.763	7.021.007.135	7.021.007.135
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	5.413.545.125	5.413.545.125	-	-
Công ty CP Phát triển Công trình Viễn thông	2.966.813.860	2.966.813.860	1.255.167.748	1.255.167.748
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Sông Đà 2	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911	1.091.167.911
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	713.726.615	713.726.615	-	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.488.416.700	1.488.416.700	2.739.056.000	2.739.056.000
Các đối tượng khác	4.449.400.154	4.449.400.154	2.644.881.670	2.644.881.670
b) Phải trả người bán dài hạn	12.312.043.353	12.312.043.353	12.103.105.472	12.103.105.472
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.781.905.362	9.781.905.362
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.358.764.669	2.358.764.669	2.321.200.110	2.321.200.110
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	22.706.548.955	22.706.548.955	25.552.512.265	25.552.512.265
Công ty CP Biển Bạc	6.925.428.763	6.925.428.763	7.021.007.135	7.021.007.135
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.488.416.700	1.488.416.700	2.739.056.000	2.739.056.000
Công ty CP Daeha -Khách sạn Hà Nội	-	-	-	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	3.072.491.284	3.072.491.284	2.321.200.110	2.321.200.110
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000	1.142.100.000
Công ty CP Truyền thông Hanel	9.563.346.481	9.563.346.481	12.329.149.020	12.329.149.020
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	265.853.000	265.853.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	248.912.727	248.912.727	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước</i>	19.566.016.781	22.140.430.200
Thales Six GTS France SAS	19.555.766.343	22.140.430.200
Các đối tượng khác	10.250.438	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số đầu năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	28.325.832.586	42.064.403	28.367.896.989	-
Thuế thu nhập cá nhân	565.969.919	1.746.947.629	2.048.806.267	264.111.281
Thuế tài nguyên	-	486.011.056	452.200.256	33.810.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.533.487.198	6.533.487.198	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.755.000	29.413.000	28.818.000	2.350.000
Cộng	28.893.557.505	8.841.923.286	37.435.208.710	300.272.081

Ghi chú:

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Kết luận thanh tra thuế số 44581/KL-CT-TKT4 ngày 11/06/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	14.208.160.888	10.142.538.097
Chi phí dự án Thales	1.521.983.851	63.450.000
Chi phí lãi vay	7.286.292.554	7.167.932.407
Chi phí dự án Giải pháp GTTM	1.602.536.364	-
Chi phí thẩm định giá	750.000.000	750.000.000
Dự phòng tiền lương	994.794.019	-
Trích trước chi phí thường tét	1.654.164.500	1.594.231.000
Chi phí phải trả khác	398.389.600	566.924.690
Trong đó: Chi phí phải trả là bên liên quan	7.684.682.154	7.486.751.507
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Dehaco	5.710.221.731	6.446.739.655
Lãi vay phải trả Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	1.189.430.293	721.192.752
Lãi vay phải trả Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	386.640.530	-
Chi phí phải trả khác Công ty CP dịch vụ KCN Hanel	398.389.600	318.819.100

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh tiền thu trước từ hoạt động cho thuê đất, thuê mặt bằng tại Khu Công nghiệp Sài Đồng - Long Biên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn	271.678.023.612	470.158.795.512
Kinh phí công đoàn	135.710.622	96.960.538
Cổ tức phải trả	-	28.890.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	20.099.712.888	32.025.445.884
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (ii)	244.173.659.937	400.199.521.022
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.268.940.165	8.946.868.068
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Phải trả lãi cổ đông	-	2.363.279.317
- Các đối tượng khác	1.645.660.965	960.309.551
b) Phải trả khác dài hạn	12.906.732.996	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	11.906.732.996	-
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000

Ghi chú:

(i) Khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn bao gồm 2 khoản:

- Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ đồng theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29/05/2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ đồng cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ đồng, thanh toán cho Công ty 20 tỷ đồng còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ đồng đặt cọc. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.
- Khoản nhận đặt cọc tiền thuê địa điểm của các đối tượng Lê Thanh Tuấn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với số tiền lần lượt là 11.000.000 VND và 88.712.888 VND.

(ii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04/7/2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31/12/2019, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 với tổng số tiền là 23.578.191,25 USD. Công ty đang hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 52.883.913.142 VND là số tiền lãi từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được Cuba, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26/10/2017.

(iii) Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn là khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN, theo đó Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02/05/2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Lý Thường Kiệt	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn từ các doanh nghiệp khác						
Công ty TNHH DEHACO - bên liên quan (i)	23.051.860.527	23.051.860.527	9.906.988.407	115.837.426.219	128.982.298.339	128.982.298.339
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel - bên liên quan (ii)	22.451.860.527	22.451.860.527	6.446.739.655	113.892.400.619	107.445.660.964	107.445.660.964
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel - bên liên quan	600.000.000	600.000.000	3.460.248.752	1.945.025.600	20.936.637.375	20.936.637.375
Tổng vay và nợ ngắn hạn	23.051.860.527	23.051.860.527	29.906.988.407	135.837.426.219	128.982.298.339	128.982.298.339
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	306.121.569.539	306.121.569.539	113.892.400.619	6.750.000.000	198.979.168.920	198.979.168.920
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn - bên liên quan (iii)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	6.750.000.000	198.979.168.920	198.979.168.920
Công ty TNHH DEHACO - bên liên quan (i)	113.892.400.619	113.892.400.619	113.892.400.619	-	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	306.121.569.539	306.121.569.539	113.892.400.619	6.750.000.000	198.979.168.920	198.979.168.920

Ghi chú:

(i) Vay Công ty TNHH Dehaco. Mục đích vay vốn: sử dụng để Công ty triển khai các dự án trọng điểm.

Phải thu về cho vay là khoản tiền Công ty Cổ phần Hanel vay vốn kinh doanh theo Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 111-2014 ngày 29/08/2014, Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 1012-2014/HĐVV-HANEL/KT và Thỏa thuận điều chuyển vốn nhân rồi số 1006-2015/HĐVV-HANEL/KT cùng lãi suất là 6%/năm.

Số dư gốc đã được điều chỉnh tăng từ lãi cộng dồn của năm 2018 nhập gốc từ thời điểm ngày 01/01/2019 theo Điều 1 của các Phụ lục 06 số 111-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019, Phụ lục 06 số 1012-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019 và Phụ lục 04 số 1006-2015/PLHĐ-HANEL/KT ngày 21/01/2019.

Đồng thời khoản cho vay được gia hạn 15 tháng kể từ ngày 27/12/2019 theo các Điều 1 của các Phụ lục 07 số 111-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019, Phụ lục 07 số 1012-2014/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019 và Phụ lục 05 số 1006-2015/PLHĐ-HANEL/KT ngày 27/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú (tiếp theo):

(ii) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn 0701-2019/HĐVV-HANEL/KT ngày 7/1/2019, số tiền vay 8.822.285.801 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 1 năm. Trong trường hợp công ty Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được tự động gia hạn. Phụ lục 01 hợp đồng số 0701-2019/HĐVV-HANEL/KT điều chỉnh số tiền vay vốn thành 6.877.260.201 có hiệu lực từ ngày 10/5/2019.
- Hợp đồng 0401-2016/HĐVV- Hanel/KT ngày 4/1/2016, số tiền vay 6.315.360.694 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 1 năm. Trong trường hợp công ty Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được tự động gia hạn.
- Hợp đồng vay vốn 01-2017/HĐVV-HANEL/KT NGÀY 23/01/2017 ngày 3/01/2017, số tiền vay 9.259.239.632 VND, lãi suất 6%/năm, thời hạn 1 năm. Trong trường hợp công ty Hanel chưa có nhu cầu rút vốn, hợp đồng mặc nhiên được tự động gia hạn.

(iii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn bao gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12/6/2017, số tiền vay 135.000.000.000 VND, Lãi suất 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01/11/2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31/12/2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01/01/2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.
- Hợp đồng số 02/HĐ/ĐTTB ngày 01/07/2014 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 70.220.000.000 VND, lãi suất cho vay 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01-02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01/11/2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31/12/2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01/01/2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.

Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng vốn để triển khai Dự án Khu đô thị hỗ trợ - Khu công nghiệp Sài Đồng B tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội phải thông báo trước 30 ngày cho Công ty Cổ phần Hanel thì Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn trả tiền vay đầu đủ theo văn bản thông báo thu hồi tiền vay. Tại ngày 31/12/2019, Dự án Khu đô thị hỗ trợ vẫn đang trong giai đoạn hoàn thành hồ sơ pháp lý và giải phóng mặt bằng; chưa được bàn giao đất để thực hiện dự án. Theo đó Công ty đánh giá khoản vay trên là vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.926.000.000.000	-	7.995.832.984	73.151.804.535	2.007.147.637.519
Mua cổ phiếu quỹ	-	(11.944.000)	-	-	(11.944.000)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	178.341.517.893	178.341.517.893
Phân phối lợi nhuận	-	-	16.878.658.432	(58.324.451.723)	(41.445.793.291)
Phải nộp Ngân sách	-	-	-	(177.999.816.861)	(177.999.816.861)
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.926.000.000.000	(11.944.000)	24.874.491.416	15.169.053.844	1.966.031.601.260
Mua cổ phiếu quỹ	-	(6.000.000)	-	-	(6.000.000)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	58.100.041.699	58.100.041.699
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	17.430.012.510	(20.485.339.987)	(3.055.327.477)
Tăng khác (ii)	-	-	-	320.180.896	320.180.896
Giảm khác (iii)	-	-	-	(42.064.403)	(42.064.403)
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.926.000.000.000	(17.944.000)	42.304.503.926	53.061.872.049	2.021.348.431.975

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2019 theo các quyết định sau:

Nghị quyết số 03b/2019/NQ-HĐQT-HANEL ngày 16/8/2019 của Hội đồng quản trị. Theo đó Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2019 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 4.034.002.319 VND.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.441.925.450 VND.
- Trích quỹ khen thưởng VCQL: 191.836.002 VND.

Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT-HANEL ngày 23/03/2020 của Hội đồng quản trị. Theo đó Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2019 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 13.396.010.191 VND.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.273.875.810 VND.
- Trích quỹ khen thưởng VCQL: 147.690.215 VND.

Công ty sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

(ii) Bao gồm:

- Điều chỉnh cổ tức năm 2018 đã phân phối cho cổ đông tương ứng với cổ phiếu quỹ với số tiền 180.000 VND.
- Ghi tăng lợi nhuận từ lợi nhuận phân chia sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Hợp đồng hợp tác số 01/HĐHT/DTT-Hanel ngày 12/11/2017 với Công ty Cổ phần Công nghệ DTT theo Biên bản nghiệm thu, quyết toán chi phí và phân chia lợi nhuận ngày 17/07/2019 với số tiền 320.000.896 VND.

(iii) Khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Kết luận thanh tra thuế số 44581/KL-CT-TKT4 ngày 11/06/2019 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội là 1.926.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo danh sách cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Ngoại tệ		
- USD	2.155,92	2.912,69
- EUR	33.548,55	4.807,15
2. Nợ khó đòi đã xử lý	2.163.049.301	2.427.781.601

23. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm các bộ phận sau

- Bộ phận dự án
- Bộ phận bán hàng hóa: thiết bị điện tử
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: chủ yếu hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

	<u>Doanh thu bán hàng hóa</u>	<u>Doanh thu cung cấp dịch vụ</u>	<u>Doanh thu dự án</u>	<u>Tổng</u>
Năm nay	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	302.237.334.252	45.972.105.170	9.105.006.684	357.314.446.106
	<u>302.237.334.252</u>	<u>45.972.105.170</u>	<u>9.105.006.684</u>	<u>357.314.446.106</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	<u>6.729.310.626</u>	<u>15.960.701.231</u>	<u>206.135.739</u>	<u>22.896.147.596</u>
Chi phí không phân bổ				66.739.191.180
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(43.843.043.584)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				118.625.550.474
Chi phí từ hoạt động tài chính				(15.028.168.853)
Lãi/(Lỗ) khác				(1.654.296.338)
Lợi nhuận trước thuế				58.100.041.699
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế				<u>58.100.041.699</u>

24. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dự án	9.105.006.684	25.097.709.645
- Doanh thu bán hàng hoá	302.237.334.252	403.446.056.424
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.976.211.570	32.853.664.275
	<u>357.318.552.506</u>	<u>461.397.430.344</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>4.106.400</u>	<u>2.830.360.610</u>
- Giảm giá hàng bán	4.106.400	2.830.360.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>357.314.446.106</u>	<u>458.567.069.734</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dự án	8.898.870.945	22.682.937.046
Giá vốn cung cấp hàng hoá	295.508.023.626	400.226.108.721
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	30.011.403.939	17.861.991.306
	334.418.298.510	440.771.037.073

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	18.765.457.084	18.581.082.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.838.975.470	9.991.128.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.144.836.444	54.549.638.647
Chi phí khác bằng tiền	4.672.891.169	12.773.225.944
Chi phí dự phòng	20.063.350.021	-
Cộng	108.485.510.188	95.895.075.764

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.919.650.123	28.212.188.615
Lãi thu Cuba	-	38.767.387.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.405.501.646	62.895.128.602
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.496.383.081	6.247.258.120
Doanh thu hoạt động tài chính khác	804.015.624	2.619.439.241
Cộng	118.625.550.474	138.741.402.091

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	973.526.070	600.435.209
Lãi trả VDB	-	38.691.627.103
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.491.805.528	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	485.125.465	1.703.314.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.840.478.913	6.687.459.412
Chi phí tài chính khác	237.232.877	-
Cộng	15.028.168.853	47.682.836.172

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.730.777	273.435.775
Chi phí công tác	-	377.868.615
Các khoản chi phí bán hàng khác	126.560.823	210.960.993
Cộng	132.291.600	862.265.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	18.917.769.047	18.496.571.606
Chi phí vật liệu quản lý	825.717.779	771.388.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.387.402	826.840.113
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.484.331.437	2.522.245.816
Thuế, phí và lệ phí	2.039.425.626	1.731.497.780
Chi phí dự phòng phải thu	20.063.350.021	-
Chi phí dự phòng tiền lương	994.794.019	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.875.501.754	18.213.404.834
Chi phí bằng tiền khác	6.016.622.495	8.565.663.440
Cộng	66.606.899.580	51.127.611.704

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khoản thu từ CUBA (i)	-	152.916.995.203
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	155.363.636
Thu nhập khác	307.540.601	77.138.772
Cộng	307.540.601	153.149.497.611

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền nhận được từ Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba trong năm được ghi nhận vào thu nhập khác sau khi Công ty đã hạch toán khấu trừ hết phần nợ gốc.

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	31.441.996
Khấu hao TSCĐ	1.359.705.804	1.359.705.804
Chi phí khác	602.131.135	686.558.082
Cộng	1.961.836.939	2.077.705.882

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	58.100.041.699	55.337.359.324
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(93.703.457.423)	(47.594.776.206)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	96.986.996.135	61.191.814.154
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.405.501.646	62.895.128.602
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(418.505.511)	(1.703.314.448)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	3.283.538.712	1.230.277.578
Lãi chênh lệch tỷ giá Cuba	-	12.366.760.370
Khoản thu từ CUBA	-	152.599.153.898
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(35.603.415.724)	160.341.737.016
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	32.068.347.403
Trong đó:		
- Số thuế TNDN từ hoạt động thu lãi từ Cuba	-	30.519.830.780
- Số thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường	-	1.548.516.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	35.603.415.724	-
Lỗ lũy kế được chuyển lỗ trong tương lai	35.603.415.724	-

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời hạn chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND	
2019	2020- 2024	35.603.415.724	-	35.603.415.724	Chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế
Cộng		35.603.415.724	-	35.603.415.724	

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 23.339.445.644 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và những năm trước mà chưa được thanh toán (năm 2018 là 18.170.755.563 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Số tiền thu từ đi vay trong năm bao gồm:

- Số tiền 20.000.000.000 VND nhận bằng tiền vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt và;
- Số tiền 9.906.988.407 VND do chuyển công nợ (lãi vay phải trả) thành gốc vay đối với các khoản vay từ Công ty TNHH Dehaco và Công ty Cổ phần Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm bao gồm:

- Số tiền 26.750.000.000 VND chi trả vay cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt và Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia bao gồm 14.060.411.521 VND tiền lãi cho vay được bù trừ với gốc các khoản phải thu cho vay và 1.758.983.738 VND tiền cổ tức năm 2018 được nhận trong năm 2019. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên các chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải thu. Đồng thời, tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia cũng không bao gồm 21.000.000.000 VND là khoản cổ tức lợi nhuận được chia trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên các chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	329.173.430.066	327.961.467.259
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(38.519.665.011)	(166.411.560.699)
Nợ thuần	290.653.765.055	161.549.906.560
Vốn chủ sở hữu	2.021.348.431.975	1.966.031.601.260
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,14	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.519.665.011	166.411.560.699	38.519.665.011	166.411.560.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.020.708.545	311.185.831.122	328.020.708.545	311.185.831.122
Phải thu cho vay	-	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150.115.774.097	185.201.053.628	150.115.774.097	185.201.053.628
Tổng cộng	516.656.147.653	665.933.445.449	516.656.147.653	665.933.445.449
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	329.173.430.066	327.961.467.259	329.173.430.066	327.961.467.259
Phải trả người bán và phải trả khác	330.650.745.570	511.484.430.468	330.650.745.570	511.484.430.468
Chi phí phải trả	14.208.160.888	10.142.538.097	14.208.160.888	10.142.538.097
Tổng cộng	674.032.336.524	849.588.435.824	674.032.336.524	849.588.435.824

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng như trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.519.665.011	-	38.519.665.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.389.947.220	108.630.761.325	328.020.708.545
Phải thu cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150.115.774.097	-	150.115.774.097
Tổng cộng	408.025.386.328	108.630.761.325	516.656.147.653
Số cuối năm			
Các khoản vay	23.051.860.527	306.121.569.539	329.173.430.066
Phải trả người bán và phải trả khác	305.431.969.221	25.218.776.349	330.650.745.570
Chi phí phải trả	14.208.160.888	-	14.208.160.888
Tổng cộng	342.691.990.636	331.340.345.888	674.032.336.524
Chênh lệch thanh khoản thuần	65.333.395.692	(222.709.584.563)	(157.376.188.871)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.411.560.699	-	166.411.560.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.565.069.797	112.620.761.325	311.185.831.122
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.201.053.628	-	185.201.053.628
Tổng cộng	553.312.684.124	112.620.761.325	665.933.445.449
Số đầu năm			
Các khoản vay	128.982.298.339	198.979.168.920	327.961.467.259
Phải trả người bán và phải trả khác	498.381.324.996	13.103.105.472	511.484.430.468
Chi phí phải trả	10.142.538.097	-	10.142.538.097
Tổng cộng	637.506.161.432	212.082.274.392	849.588.435.824
Chênh lệch thanh khoản thuần	(84.193.477.308)	(99.461.513.067)	(183.654.990.375)

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng: các nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh và từ cổ tức trong năm tới và các năm tiếp theo có thể tạo ra đảm bảo nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. THÔNG TIN KHÁC**37.1 Thông tin về việc ký các hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

37.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12/07/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội: do các cơ sở nhà, đất trên đang có tranh chấp, Ủy ban nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**37.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty (tiếp theo)**

- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30/10/2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được quyết định của UBND TP. Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

37.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba

Theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa Công ty và Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cuba vào ngày 04/7/2012, định kỳ hàng tháng Grupo De La Electronica sẽ thanh toán cho Hanel số tiền bao gồm gốc và lãi liên quan tới các Hợp đồng xuất khẩu máy tính năm 2006, 2007. Theo lịch trả nợ, khoản nợ được Grupo De La Electronica thanh toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019; Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng với toàn bộ số tiền Công ty thực nhận (bao gồm gốc, và một phần lãi chậm thanh toán). Đến kỳ tháng 2 năm 2018, Công ty đã khấu trừ được hết nợ gốc trên sổ kế toán, theo đó toàn bộ số tiền nhận được Grupo De La Electronica từ kỳ tháng 3 năm 2018 sẽ được sử dụng để trả lãi cho Ngân hàng Phát triển ("VDB"); giá trị còn lại sau khi trả lãi sẽ được nộp toàn bộ về Ngân sách Nhà nước, không ghi nhận lợi nhuận và không được phân phối tại Công ty; theo đó giá trị các khoản thu/chí này được xác định như khoản thu/chí hộ mà không hình thành lợi nhuận của Công ty, và doanh thu/thu nhập khác được hạch toán qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để xác định nghĩa vụ nộp ngân sách tương ứng;

Từ kỳ tháng 8 năm 2018, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty. Tổng số tiền phải thu nhưng chưa thu được cho kỳ thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 theo Biên bản xác minh công nợ ngày 30/6/2019 là 23.578.191,25 USD. Theo nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận doanh thu - thu nhập khác, Công ty không ghi nhận khoản tiền phải thu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm; Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận Chi phí tài chính đối với giá trị tiền lãi đã trả cho VDB cho đợt thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 là 52.883.913.142 VND, số tiền đã thanh toán cho VDB được căn trừ (ghi giảm) số dư Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên cơ sở:

Căn cứ Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26/10/2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "*Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...*". Công ty đang hạch toán sử dụng nguồn dự phòng phải thu khó đòi Cuba với số tiền 52.883.913.142 VND để thanh toán cho VDB, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Chi tiết tại Thuyết minh 20 (ii).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty đang ghi nhận trên sổ sách khoản Công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G số tiền 102.920.788.809 VND. Công ty chưa ghi nhận một phần khoản lãi chậm thanh toán cho kỳ từ ngày 28/6/2017 đến ngày 31/12/2019 theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được tiền và chưa đối chiếu được công nợ với N&G.

Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội nguyên nhân do Công ty chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục thực hiện dự án. Công ty có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo quy định và nộp Nhà nước giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm khoản tiền 15.000.000.000 VND và các quyền lợi khác (nếu có) khi chính thức thực hiện dự án.

Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã có Thông báo số 3192/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Hanel, bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, người có quyền lợi liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Sông Hồng về việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng số 654 ngày 17/11/2005 và Bản cam kết số 126/2010/BBTT ngày 02/8/2010. Ngày 26/09/2019, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thành phố Hà Nội đã có bản án sơ thẩm số 44/2019/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư. Ngày 03/01/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Thông báo số 06/TBTL-TA về việc thụ lý vụ án phúc thẩm giữa Công ty Cổ phần Hanel và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

39. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Thông báo số 11247/TB-CT-QLĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước: đơn giá thuê đất để làm đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sài Đồng B là 58.010 VND/m²/năm. Thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 07/11/2018 đến ngày 06/11/2023. Thông báo trên thay thế Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 82629/TB-CT-QLĐ ngày 18/12/2018.

Tổng diện tích đất thuê phải trả tiền của Công ty tại Khu công nghiệp Sài Đồng B là 242.274 m², trong đó có Công ty đã đề nghị và được nộp tiền thuê đất một lần tương ứng đối với diện tích đã cho thuê thu tiền một lần và phần còn lại trả tiền thuê đất hàng năm. Căn cứ theo đơn giá được quy định tại Thông báo số 11247/TB-CT-QLĐ, Tổng chi phí tiền thuê đất Công ty phải nộp bổ sung cho của năm 2019 và năm 2018 dự kiến lần lượt là khoảng 9,2 tỷ đồng và 1,3 tỷ đồng; tương ứng tiền chậm nộp lần lượt là 0,4 tỷ đồng và 0,1 tỷ đồng. Công ty đang tiếp tục làm việc với Chi cục thuế quận Long Biên để xác định chính xác số tiền phải nộp sau khi có thông báo số 11247 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Công ty chưa hạch toán chi phí thuê đất bổ sung trên.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020



Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc